

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/ DS -ST
Ngày: 24/4/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Hương Nhị

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - kiểm sát viên

Ngày 24/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Khu 09, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hán Xuân Đ, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 11, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Ông T có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc T (nguyên đơn) trình bày:

Do mối quan hệ là người cùng xã với anh Hán Xuân Đ, ngày 01/6/2021 ông T cho anh Hán Xuân Đ vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn). Thời hạn vay 01 năm (Từ ngày 01/6/2021 đến 01/6/2022). Mục đích vay để anh T kinh doanh. Khi vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất theo thỏa thuận là 20%/năm. Sau khi vay, anh Đ trả lãi được 03 tháng, từ đó anh không trả lãi nữa. Từ ngày vay ông đã đòi nhiều lần nhưng anh Đ không hợp tác, không trả gốc và lãi cho

ông.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2024, ông T thay đổi lời khai, cho rằng anh Đ trình bày ông cho anh Đ vay với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày là không đúng. Giữa ông với anh Đ chỉ thỏa thuận lãi suất 20%/ năm. Anh Đ đã trả cho ông lãi đến hết năm 2021. Số tiền lãi đã trả đúng như giấy tờ anh Đ cung cấp chuyển khoản là 7.000.000đ. Kể từ đó anh Đ không trả được cho ông đồng tiền lãi nào. Anh Đ trình bày đã trả lãi cho ông bằng tiền mặt hàng tháng là không đúng và không có cơ sở.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn). Anh Đ trình bày anh chỉ còn nợ lãi của ông từ tháng 6/2022 ông cũng đồng ý, không yêu cầu anh Đ phải trả lãi từ tháng 1/2022 đến tháng 5/2022 nữa. Ông yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ trả lãi cho ông kể từ tháng 6/2022 đến hết tháng 4/2024 làm tròn là 21 tháng với lãi suất 10%/năm với số tiền là 8.750.000đ. Tổng cả gốc và lãi anh Đ phải có nghĩa vụ phải trả cho ông là 58.750.000đ (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông T không yêu cầu anh Đ phải trả lãi từ thời điểm sau khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông T đề nghị anh Đ vẫn phải tiếp tục trả lãi đối với khoản vay kể từ sau khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2024 và ngày 02/4/2024, anh Hán Xuân Đ (bị đơn) trình bày:

Anh có vay tiền của ông Nguyễn Ngọc T số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) như ông T trình bày là đúng. Mục đích vay để anh kinh doanh, thời hạn vay là 01 năm từ 01/6/2021 đến 01/6/2022 với lãi suất là 5.000đ/01triệu/01 ngày. Tiền lãi là 7.500.000 đ/01 tháng, nhưng anh xin giảm lãi xuống 7.250.000đ/1 tháng. Khi vay tiền anh có ký vào giấy vay tiền, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 01/6/2021 đúng là chữ ký của anh. Đến nay anh chưa trả được cho ông T số tiền gốc nào.

Trước đó anh và ông T có thỏa thuận ông T sẽ cho anh vay 100.000.000đ để làm kinh doanh. Do ông T chỉ cho anh vay số tiền 50.000.000đ và hứa sẽ cho vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông T không thực hiện làm cho anh thất thoát trong kinh doanh dẫn đến thua lỗ. Từ ngày vay số tiền trên, anh đã trả lãi cho ông T được 01 năm từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022 với số tiền lãi là 87.000.000đ trong đó có tiền mặt và tiền chuyển khoản là 7.000.000đ như giấy tờ anh cung cấp

cho Tòa án. Đối với số tiền mặt (tiền lãi) đã trả cho ông T, anh không có tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp, xuất trình tại Tòa án.

Nay ông T khởi kiện anh yêu cầu trả nợ, anh có quan điểm, hiện tại anh đang gặp khó khăn về tài chính, anh xin khất nợ và sẽ hoàn trả lại cho ông T số tiền nợ trên sau 02 năm. Nếu sai anh xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và anh nhất trí với số tiền lãi như ông T trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu anh Hán Xuân Đ trả khoản nợ vay.

- + Buộc anh Hán Xuân Đ phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 58.750.000đ (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn); số tiền lãi là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

- + Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hán Xuân Đ phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu anh Hán Xuân Đ phải trả số tiền gốc đã vay của ông T là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) và khoản tiền lãi phát sinh từ khoản vay này. Ông T và anh Đ đều trình bày ông T cho anh Đ vay tiền để kinh doanh, tuy nhiên cả hai bên đều không phải là cá nhân hoạt động kinh doanh (không có đăng ký kinh doanh); Căn

cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Hán Xuân Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hán Xuân Đ là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu anh Hán Xuân Đ trả nợ khoản tiền vay 50.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay: ông Nguyễn Ngọc T và anh Hán Xuân Đ đều thống nhất thừa nhận, ông T cho anh Đ vay tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), đến nay anh Đ chưa trả cho ông T khoản tiền trên. Ông T khởi kiện yêu cầu anh Đ phải trả cho ông khoản tiền gốc nói trên là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng anh Đ mới trả lãi đến hết tháng 12/2021. anh Đ trình bày đã trả lãi cho ông T hết tháng 5/2022, kể từ tháng 6/2022 đến nay anh Đ thừa nhận chưa trả lãi của khoản vay cho ông T. Tại phiên tòa, ông T có quan điểm chỉ yêu cầu anh Đ phải trả lãi cho ông kể từ tháng 6/2022 đến nay với tổng số thời gian tính lãi làm tròn là 21 tháng, mức lãi suất là 10%/năm, số tiền lãi là 8.750.000đ. Qua lời trình bày của các bên đương sự cho thấy, các bên khi ký hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận với nhau lãi suất. Mặc dù hai bên có tranh chấp, mâu thuẫn về mức lãi suất cho vay, nhưng ông T có quan điểm chỉ đề nghị anh Đ phải trả lãi cho ông với lãi suất 10%/năm. Đề nghị trên của ông T phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày 01/6/2022 đến 24/4/2024 là 21 tháng 24 ngày. Ông T chỉ đề nghị anh Đ trả lãi với số tiền 8.750.000đ ($50.000.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 21 \text{ tháng} = 8.750.000đ$) là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Anh Đ có quan điểm nhất trí trả nợ gốc và lãi nhưng đề nghị trả sau 02 năm là không phù hợp bởi lẽ, tại giấy vay tiền, hai bên có thỏa thuận về thời hạn vay là

01 năm (kể từ 01/6/2021 đến 01/6/2022). Hết thời hạn thỏa thuận trên anh Đ không trả khoản nợ là vi phạm về nghĩa vụ. Vì vậy, buộc anh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T theo quy định của pháp luật là phù hợp. Tổng cả gốc và lãi anh Hán Xuân Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 58.750.000đ (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên anh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu anh Hán Xuân Đ trả khoản nợ vay.

2. Buộc anh Hán Xuân Đ phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 58.750.000đ (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn); số tiền lãi (kể từ 01/6/2022 đến ngày 24/4/2024) là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hán Xuân Đ phải chịu 2.937.500đ (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn) tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh, huyện;

- Đương sự;

- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;

- Lưu HS

- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thanh Loan